

Family in Vietnamese

Word	Translation
Father	Bố
Mother	Mẹ
Son	Con trai
Daughter	Con gái
Brother	Anh trai
Sister	Em gái
Husband	Chồng
Wife	Vợ
Grandfather	Ông
Grandmother	Bà
Uncle	Chú
Aunt	Cô

Cousin

Em họ

Nephew

Cháu trai

Niece

Cháu gái